

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỐNG ĐỒNG HÓA VĂN HÓA THỜI KÌ BẮC THUỘC - BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THANH HẢI(*)
TRẦN MẠNH QUÂN(**)

Tóm tắt: Văn hóa Việt Nam, với cội nguồn từ nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, luôn gắn liền với nền nông nghiệp lúa nước và tinh thần cộng đồng. Trong suốt hơn 1.000 năm Bắc thuộc, người Việt đã duy trì được nếp sống bản địa và giá trị đạo đức đặc trưng, đủ sức đẩy lùi chính sách đồng hóa văn hóa và sự thống trị của ngoại bang. Bài viết luận giải phương thức bảo vệ văn hóa, tư tưởng và chống lại mưu đồ đồng hóa văn hóa người Việt trong thời kì này, làm nổi bật sức mạnh tự cường của dân tộc; từ đó rút ra những kinh nghiệm quý báu để bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *Bản sắc văn hóa; Đồng hóa văn hóa; Sức mạnh tự cường.*

SOME ISSUES OF ANTI-CULTURAL ASSIMILATION DURING THE NORTHERN COLONIAL PERIOD - LESSONS LEARNED FOR THE PROTECTION AND PROMOTION OF VIETNAMESE CULTURAL IDENTITY TODAY

Abstract: Vietnamese culture, rooted in the ancient states of Van Lang - Au Lac, has always been closely tied to wet rice agriculture and a strong sense of community. Throughout more than a thousand years of Northern domination, the Vietnamese people managed to preserve their indigenous way of life and distinctive moral values, effectively resisting cultural assimilation policies and foreign rule. This article explores the methods used to protect Vietnamese culture and ideology and to counter cultural assimilation efforts during that period, highlighting the nation's resilient spirit. From this, it draws valuable lessons for safeguarding and promoting Vietnam's national cultural identity today.

Keywords: *Cultural assimilation; Cultural identity; Self-reliance.*

Ngày nhận bài: 16/4/2025; Ngày gửi phản biện: 18/4/2025; Ngày duyệt đăng bài: 10/10/2025.

(*),(**) Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

1. Đặt vấn đề

Trong thời kì Bắc thuộc, các triều đại phong kiến phương Bắc đã thi hành chính sách đồng hóa văn hóa nhằm xóa nhòa bản sắc văn hóa dân tộc Việt, từng bước dẫn dắt người Việt hòa nhập vào văn hóa Hán. Họ khuyến khích người Việt tiếp thu phong tục, tập quán Hán, khiến nhiều người dần xa rời cội nguồn và có nguy cơ bị hòa tan vào nền văn hóa ngoại bang. Phương thức đồng hóa bao gồm áp đặt hệ thống cai trị, thúc đẩy di dân Hán, truyền bá ngôn ngữ, chữ viết và thay đổi phong tục tập quán của người Việt. Các triều đại phong kiến còn truyền bá Nho giáo và Đạo giáo nhằm nô dịch người Việt về tư tưởng, làm giảm tinh thần kháng cự, hướng tới việc xóa bỏ văn hóa bản địa. Tuy nhiên, trước những mưu đồ đồng hóa toàn diện và có hệ thống từ các triều đại phong kiến phương Bắc, người Việt đã đề cao ý thức dân tộc, khẳng định sức mạnh bản địa, đẩy lùi chính sách đồng hóa văn hóa của phong kiến phương Bắc. Trong suốt thời kì Bắc thuộc, người Việt không chỉ kiên quyết phản đối việc bị nô dịch về văn hóa và tư tưởng mà còn liên tục đứng lên đấu tranh trên cả hai phương diện: vũ trang và văn hóa, tư tưởng. Những cuộc đấu tranh này không chỉ nhằm giành lại độc lập, quyền tự chủ, mà còn thể hiện quyết tâm gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa bản địa, qua đó bảo vệ bản sắc dân tộc trước nguy cơ bị đồng hóa.

2. Khái quát chính sách đồng hóa văn hóa người Việt dưới thời Bắc thuộc của các triều đại phong kiến phương Bắc

Mục tiêu của chính sách đồng hóa văn hóa do các triều đại phong kiến phương Bắc thực hiện là làm cho người Việt dần quên đi nguồn gốc tổ tiên, mất dần bản sắc dân tộc và tiếp thu các phong tục, tập quán của người Hán. Điều này nhằm làm suy yếu ý chí đấu tranh của người Việt, biến họ trở thành một phần của dân tộc Hán và biến lãnh thổ Âu Lạc thành một khu vực chịu sự cai trị lâu dài của phong kiến phương Bắc và loại bỏ khả năng chống đối từ cư dân bản địa.

Nội dung và phương thức đồng hóa văn hóa được thực hiện toàn diện, nhằm làm suy giảm các yếu tố cốt lõi tạo nên sức mạnh tinh thần bảo vệ quốc gia và dân tộc của người Việt như lãnh thổ, ngôn ngữ, phong tục tập quán, lối sống và ý thức tư tưởng. Chính quyền đô hộ đã tìm mọi cách làm suy giảm, phai nhạt những giá trị này để hướng vào xóa bỏ nền văn hóa bản địa.

Dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, một chính quyền cai trị chặt chẽ đã được xây dựng từng bước. Ban đầu, chúng thiết lập hệ thống chính quyền từ trung ương xuống địa phương do người Hán đứng đầu, áp dụng chính sách “đĩ Di trị Di” (dùng người Việt trị người Việt). Các Lạc tướng vẫn giữ vai trò lãnh đạo địa phương, nhưng dưới danh nghĩa huyện lệnh với “ấn đồng” và “tua xanh”. Đến thời nhà Đường, sự kiểm soát càng được thắt chặt, khi chính quyền đô hộ

trực tiếp quản lý đến cấp hương xã nhằm khống chế các làng mạc người Việt. Cùng với việc tổ chức bộ máy thống trị, họ thường xuyên chia tách, sáp nhập và đổi tên các vùng đất Âu Lạc thành các châu, huyện mới để tăng cường kiểm soát dân cư và mở rộng phạm vi lệ thuộc vào triều đình trung ương. Chính quyền đô hộ cũng đẩy mạnh chính sách di dân Hán sang sống lẫn với người Việt thông qua nhiều con đường, như thực hiện chính sách di dân khẩn thực, “hàng nghìn tội nhân, tù binh chiến tranh và dân nghèo người Hán đã được đưa đến đây cho ở lẫn với người Việt để khai canh lập ấp” (Vũ Duy Mến (chủ biên), 2017, tr. 211); binh lính người Hán sau quá trình đàn áp sự phản kháng, nổi dậy của cộng đồng dân tộc bản địa ở lại “lấy vợ Việt, lập thành một số làng gọi là khu cư trú của dân Mã lưu” (Phạm Xuân Nam, 2019, tr. 22); hoặc gia đình quan lại đô hộ và những sĩ phu, dân thường chạy loạn từ Trung Quốc sang định cư lâu dài. Việc sống xen kẽ giữa người Hán và người Việt không chỉ giúp chính quyền đô hộ thu lợi từ việc bóc lột, mà còn nhằm tạo ra điều kiện thuận lợi cho quá trình đồng hóa về sinh hoạt, lối sống, văn hóa và tư tưởng. Ngoài ra, các triều đại phong kiến phương Bắc còn đẩy mạnh việc truyền bá tiếng nói và chữ viết của người Hán vào nước ta nhằm thay thế tiếng Việt. “Họ dịch sách, mở trường học, dạy chữ Hán cho nhân dân ta - mà là con em thuộc tầng lớp trên” (Huỳnh Công Bá, 2017, tr. 315), chủ yếu là con em của tầng lớp quý tộc địa phương, để thực hiện chính sách đồng hóa người Việt thành người Hán.

Về phương diện phong tục tập quán, các triều đại phong kiến phương Bắc đã chỉ trích và phủ nhận những giá trị văn hóa cùng lễ nghi truyền thống của người Việt. Trong thư gửi Hoài Nam Vương Lưu An, Hán Vũ Đế nhận xét: “Dân Việt là dân cạo tóc, vẽ mình, không thể dùng pháp độ của nước đội mũ mang đai mà trị được”. Sách *Hán thư* cũng đề cập rằng: “Dân Giao Chỉ không biết đạo cha con” (ám chỉ việc cha con cùng tắm trên một khúc sông) và chỉ theo nếp sống thuận hậu, chất phác, “không biết đạo vợ chồng” (chỉ lối sống nam nữ bình đẳng). Để truyền bá văn hóa Hán vào đời sống người dân Âu Lạc, triều đình phong kiến phương Bắc đã sử dụng luận điệu như “giáo hóa”, “giáo huấn” và “dạy bảo dân man di” về lễ giáo, sinh hoạt theo phong cách người Hán; cưỡng bức người dân bản địa thay đổi phong tục tập quán, học theo các nghi lễ của người Hán trong các hoạt động tang ma, cưới hỏi, dựng nhà, ăn mặc, chải đầu, v.v. nhằm từng bước thay thế văn hóa và phong tục truyền thống của dân tộc ta.

Để nô dịch nhân dân Việt Nam về tư tưởng và tinh thần, từ đầu thế kỉ II, chính quyền đô hộ đã chủ trương truyền bá Nho giáo. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, các thái thú Tích Quang và Nhâm Diên đã “dựng học hiệu để dạy lễ nghĩa” cho dân Giao Chỉ và Cửu Chân. Nho giáo, với nguyên tắc “tôn quân, đại thống nhất” dựa trên ba cương lĩnh cơ bản gọi là “tam cương” gồm: “đạo vua - tôi”, “đạo cha - con”

và “đạo chồng - vợ”, cùng năm phép ứng xử gọi là “ngũ thường” gồm “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”. Triều đình phong kiến phương Bắc đã triệt để sử dụng Nho giáo để củng cố trật tự đẳng cấp xã hội hiện hành và nhất thể hóa hệ tư tưởng phục tùng đối với nhân dân ta, đồng thời đào tạo quan lại phục vụ chính quyền đô hộ.

Cùng với đó, Đạo giáo cũng xâm nhập vào Việt Nam khoảng thế kỷ II, theo chân các quan lại và người Hán chạy loạn. Trong *Lời tựa sách Mâu Tử* có ghi lại rằng sau khi Linh Đế băng hà (182), thiên hạ nhiễu loạn, chỉ có Giao Châu là khá yên ổn, các bậc dị nhân phương Bắc đến đây, phần lớn tin theo thuật thần tiên, luyện phép, tịnh cốc, trường sinh. Chính quyền đô hộ đã lợi dụng sự tương đồng giữa Đạo giáo và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt để vừa trấn an, vừa xoa dịu tinh thần đấu tranh, phản kháng của nhân dân. Ngoài ra, các triều đại phong kiến phương Bắc cũng lợi dụng, cắt xén và xuyên tạc giáo lý Phật giáo, khai thác mặt tiêu cực để làm công cụ đàn áp và thống trị nhân dân lao động. Những quan niệm như cuộc sống phù du, tạm bợ, xa rời các hoạt động xã hội và sự bàng quan với chính sự đất nước đã được truyền bá nhằm ru ngủ và làm suy yếu ý chí đấu tranh giành lại độc lập của nhân dân ta.

Những chính sách đồng hóa về văn hóa của người Việt của các triều đại phong kiến phương Bắc đã gây ra những hệ quả tiêu cực đối với nền văn hóa bản địa của cộng đồng các cư dân người Việt. Từ địa vị làm chủ đất nước, nhân dân Âu Lạc đã trở thành nô lệ của ngoại bang. Tư tưởng của các học thuyết chính trị và xã hội ngoại lai đã tác động trực tiếp đến đời sống tinh thần của người Việt, làm mai một một số yếu tố văn hóa truyền thống và ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình đấu tranh giành lại độc lập, chống lại sự xâm lược.

3. Sức mạnh văn hóa tự cường người Việt trong thời Bắc thuộc

Trước âm mưu đồng hóa toàn diện văn hóa của người Việt mà các triều đại phong kiến phương Bắc thực hiện, trong suốt thời kì Bắc thuộc, nhân dân ta kiên quyết không chấp nhận thân phận nô lệ. Họ liên tục nổi dậy đấu tranh cả trên phương diện vũ trang lẫn văn hóa, tư tưởng nhằm giành lại độc lập, tự chủ, đồng thời khẳng định, bảo vệ và truyền bá các giá trị văn hóa bản địa của dân tộc.

Tinh thần đoàn kết toàn dân đấu tranh chống xâm lược, giành độc lập

Trước sự xâm lăng của ngoại bang đã xuất hiện nhiều phong trào đoàn kết toàn dân đấu tranh chống lại các triều đại phong kiến phương Bắc xâm lược. Nhiều cuộc khởi nghĩa với quy mô lớn đã diễn ra, lan rộng khắp các địa phương và nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ từ toàn thể nhân dân. Tiêu biểu là khởi nghĩa Hai Bà Trưng, giành độc lập trong ba năm (40 - 43); khởi nghĩa Lý Bôn (hay còn gọi là Lý Bí) thắng lợi năm 542, lập nên nhà nước Vạn Xuân tồn tại từ năm 544 đến 546; chính quyền tự chủ của Lý Nam Đế, tiếp theo là Triệu Việt Vương và Lý Phật Tử (550 - 602); khởi nghĩa

Khúc Thừa Dụ năm 905, mở đầu công cuộc tự cường, cải cách đất nước, xây dựng nhà nước độc lập, tự chủ, thoát khỏi ảnh hưởng của chế độ đô hộ phương Bắc. Đặc biệt, chiến thắng Bạch Đằng năm 938 dưới sự lãnh đạo của Ngô Quyền đã chấm dứt hơn 1000 năm Bắc thuộc, đánh dấu một kỷ nguyên mới - thời đại độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc. Những cuộc khởi nghĩa này đã giành được những thắng lợi quan trọng, xây dựng được chính quyền độc lập, tự chủ trong một khoảng thời gian nhất định. Các cuộc đấu tranh thắng lợi là minh chứng cho sức mạnh của một quá trình hàng thế kỷ nhân dân Việt Nam không ngừng đấu tranh trên cả văn hóa và tư tưởng. Chính sự kiên trì, bền bỉ ấy đã từng bước củng cố, làm giàu bản sắc và khẳng định những giá trị văn hóa cốt lõi của dân tộc, như tinh thần yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ, tinh thần đoàn kết và lòng tự hào, tự tôn dân tộc.

Ý thức giữ gìn những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc

Suốt hơn nghìn năm Bắc thuộc, chính quyền đô hộ đã tích cực thực thi chính sách đồng hóa nhằm xóa bỏ văn hóa truyền thống của dân tộc ta. Tuy nhiên, những nỗ lực đó vấp phải sự kháng cự bền bỉ của nhân dân. Bất chấp sự áp đặt lễ giáo hà khắc và mưu đồ làm suy yếu bản sắc dân tộc, nền văn hóa Việt vẫn được gìn giữ, tiếp nối và giữ vai trò cốt lõi trong đời sống tinh thần, với các phong tục tập quán truyền thống ngày càng được bồi đắp và phát huy. Các mối quan hệ ứng xử tốt đẹp như thờ cúng tổ tiên, kính trọng ông bà, cha mẹ và sự thương yêu, nhường nhịn lẫn nhau giữa anh em luôn được gìn giữ. Đặc biệt, lòng tôn kính và biết ơn tổ tiên, những anh hùng dựng nước và giữ nước, luôn được đề cao. Các đền thờ Vua Hùng, Tản Viên, Thánh Gióng, Hai Bà Trưng cùng những vị có công với làng nước được nhân dân xây dựng khắp nơi để tỏ lòng thành kính. Khác với văn hóa Hán, văn hóa Việt cổ luôn coi trọng vai trò của người phụ nữ. Trong sách *Nam phương thảo mộc trạng* (thế kỷ III) có chép rằng, người phương Nam khi con gái lớn vài tuổi đã bắt đầu nấu lọc rượu, đem đựng trong những bình hũ kín và chôn ở bờ ao. Khi con gái sắp lấy chồng thì người ta mới đào bờ ao lấy rượu lên để đãi khách, gọi đó là “nữ tửu” (rượu con gái), có vị đậm và ngon, đó là một biểu tượng cho sự trưởng thành và tôn vinh người phụ nữ. Những lễ giáo nhằm hạ thấp vai trò của phụ nữ do người Hán du nhập đã bị khước từ, không được đón nhận, thậm chí người phụ nữ còn đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập, như Hai Bà Trưng và Bà Triệu.

Trong thời kì này, từ các cấu trúc làng xã Việt cổ, nhân dân ta không chỉ giữ gìn mà còn phát triển những giá trị văn hóa bản địa đã hình thành từ khi dựng nước. Các phong tục, tập quán và thói quen sinh hoạt gắn liền với hoạt động của cộng đồng làng xã vẫn được duy trì. Những tục lệ cổ truyền như tục cạo đầu, búi tóc, xăm mình, nấu bánh chưng, giã bánh dày trong dịp Tết, chôn cất người quá cố trong quan tài hình thuyền, tục nhuộm răng, ăn trầu cau, đánh trống đồng cùng các trò chơi

dân gian như bơi chải, chọi trâu, đá cầu, đánh đu, đánh phết, ném còn vẫn được bảo tồn, thể hiện tính cộng đồng cao. Theo sách *Nam châu bát quận chí* và *Nam phương thảo mộc trạng*, người Việt có phong tục mời trâu khi gặp nhau, nếu không thực hiện nghi lễ này, họ sẽ coi đó là một sự thất lễ.

Giữ gìn ngôn ngữ mang đậm bản sắc người Việt.

Quá trình gìn giữ văn hóa bản địa của người Việt luôn gắn liền với việc bảo tồn ngôn ngữ dân tộc. Dù chính quyền phong kiến phương Bắc ra sức áp đặt tiếng Hán nhằm xóa bỏ tiếng nói bản địa, nhưng họ đã không thể làm lu mờ tiếng Việt. Phần lớn người dân vẫn sống và lao động trong các làng quê Việt cổ, nơi tiếng nói của tổ tiên - biểu tượng của tinh thần và văn hóa dân tộc - được duy trì bền vững. Giữ gìn tiếng Việt chính là bảo vệ nền văn hóa và tư tưởng của dân tộc.

Cha ông ta đã có cách tiếp cận thông minh, không học tiếng Hán theo âm chuẩn mà đã “Việt hóa” các từ Hán, tạo nên hệ âm Hán - Việt. Đây là kết quả của quá trình tiếp xúc lâu dài giữa tiếng Việt và văn tự Hán. “Nói đến cách đọc Hán - Việt là nói đến cái vỏ ngữ âm mà người Việt Nam gán cho hệ thống văn tự Hán” (Nguyễn Tài Cẩn, 2000, tr. 315). Sự “Việt hóa” này cho phép người Việt sử dụng chữ Hán mà không đánh mất bản sắc ngôn ngữ và văn hóa riêng. Thậm chí, cách đọc Hán - Việt còn góp phần làm phong phú thêm vốn từ tiếng Việt, tạo nên một hệ thống ngữ âm, thanh điệu và từ ngữ đa dạng, phản ánh sâu sắc bản sắc người Việt.

Kiên quyết đẩy lùi ý đồ đồng hóa tư tưởng của người Hán.

Trong suốt thời kì Bắc thuộc, chính quyền đô hộ phương Bắc đã ra sức truyền bá Nho giáo vào Việt Nam. Tuy nhiên, việc mở trường học phần lớn chỉ diễn ra tại các quận, huyện - nơi đặt trụ sở của chính quyền đô hộ hoặc ở các khu vực có kiều dân Hán cư trú đông đúc. Do đó, Nho giáo chưa thực sự bén rễ và chưa có vai trò đáng kể trong xã hội người Việt. Như nhận định của nhiều nhà nghiên cứu, ảnh hưởng của Hán học và Nho giáo dưới thời Bắc thuộc chỉ thâm nhập vào một bộ phận rất nhỏ dân cư, trong khi phần lớn dân chúng tại các làng xã vẫn giữ gìn được truyền thống văn hóa bản địa. “Nhìn chung, ảnh hưởng của Hán học, của Nho giáo dưới thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc còn xa mới thâm nhập vào tuyệt đại đa số dân chúng Việt ở các làng xã” (Phạm Xuân Nam, 2019, tr. 71).

Mục đích của việc truyền bá Nho giáo vào Việt Nam là nhằm củng cố ách thống trị của phong kiến phương Bắc, với âm mưu xóa bỏ nền văn hóa bản địa. Tuy nhiên, tuyệt đại đa số nhân dân ta không tin vào những lý thuyết như “nhân trị”, “đức trị” và không chịu cúi đầu phục tùng các “thiên tử” từ phương Bắc. Một số lãnh tụ của các cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ đã học chữ Hán nhưng họ không học để phục vụ cho chính quyền đô hộ, mà để tiếp thu những tri thức cần thiết, tổ chức lực lượng đấu tranh, xây dựng bộ máy chính quyền tự chủ và đề ra các chính sách có lợi cho nhân dân.

Nhân dân ta kiên quyết bác bỏ các tư tưởng như “bình thiên hạ”, “tôn quân đại thống nhất” cùng những quan điểm gia trưởng khinh thường phụ nữ của Nho giáo dưới thời Hán - Đường. Nhờ vậy, văn hóa Việt đã phát triển mạnh mẽ, có khả năng chống lại âm mưu đồng hóa của quân xâm lược, tạo động lực lớn cho công cuộc giành lại độc lập dân tộc vào thế kỉ X.

Đối với tư tưởng Đạo giáo, nhân dân ta đã tiếp nhận một cách khôn khéo và có tính chọn lọc cao. Người Việt hiểu Đạo giáo không chỉ như một hệ thống tín ngưỡng mà còn như một dạng thức đặc biệt của luật pháp, đóng vai trò như quan tòa nghiêm minh, giám sát và phân xử đúng sai trong đời sống. Từ quan điểm vạn vật hữu linh, tư duy văn hóa dân gian Việt Nam đã hình thành những thần linh như thần núi Tản Viên, thần sông Tô Lịch, những vị thần này được coi là có khả năng đối thoại trực tiếp và phá tan âm mưu trấn yểm vương khí nước Nam của Cao Biền, theo mô tả trong *Lĩnh Nam chích quái*. Dù mang yếu tố huyền thoại, những câu chuyện này lại phản ánh sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và sự đối kháng với mưu đồ áp đặt tư tưởng của người Hán.

Trong giai đoạn này, nhân dân ta cũng tiếp thu những yếu tố tích cực của Phật giáo, sử dụng như một phương tiện để đấu tranh chống lại chính sách Hán hóa của phong kiến phương Bắc. Phật giáo đã trở thành một phần quan trọng trong lĩnh vực giáo dục và có vai trò nổi bật ở nước ta trong thời kì Bắc thuộc. Nhiều chư tăng và Phật tử yêu nước đã tích cực tham gia vào các phong trào đấu tranh chống lại sự thống trị của phong kiến phương Bắc. Chính quyền đô hộ không những không thể lợi dụng Phật giáo cho âm mưu đồng hóa mà ngược lại, vô tình đã làm cho Phật giáo phát triển mạnh mẽ, trở thành hệ tư tưởng quan trọng và là “lá chắn” tinh thần cho nhân dân Việt Nam trong quá trình đấu tranh để bảo vệ văn hóa dân tộc.

Tiếp thu, chuyển hóa những giá trị văn hóa tốt đẹp từ bên ngoài để “Việt hóa” phù hợp với cách nghĩ, nếp sống của người Việt.

Quá trình Bắc thuộc đã chứng kiến sự bèn bĩ của các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam, thể hiện qua sự phản kháng mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh đòi quyền độc lập và tự chủ. Họ đã đấu tranh chống lại mưu đồ đồng hóa văn hóa của chính quyền đô hộ. Với sức mạnh của văn hóa người Việt dẫn đến việc nhiều dòng họ người Hán khi di cư xuống Âu Lạc dần Việt hóa, tiếp thu và áp dụng các phong tục tập quán, sinh hoạt và lễ nghi của người Việt, từ đó lấy tư cách dân tộc Việt để chống lại ách đô hộ từ phương Bắc.

Mặc dù người Việt bảo vệ văn hóa truyền thống, song với tinh thần cởi mở, khoan dung, những giá trị văn hóa tiến bộ, phù hợp với tư duy, lối sống và phương thức tồn tại của dân tộc đã được tiếp nhận. Một số phong tục tập quán cũng có sự biến đổi theo hướng chọn lọc, hài hòa với tính cách và lối sống của người Việt. Trên cơ sở

ý thức dân tộc và tinh thần tự cường, nhân dân ta đã kết hợp giữa truyền thống và những phong tục tiến bộ, tốt đẹp của nền văn hóa ngoại nhập, như việc giã gạo bằng cối đập thay vì dùng chày, sống trong nhà nền đất nện thay vì nhà sàn, cũng như sự phong phú và đa dạng hơn trong y phục, trang phục và nghệ thuật.

Quá trình tiếp xúc lâu dài với người Hán, người Việt đã tiếp thu hạt nhân hợp lý để bổ sung những giá trị chuẩn mực trong giao tiếp, thích ứng với thời đại. “Cách đọc Hán - Việt không phải sự vay mượn hoàn toàn và nguyên xi, mà là kết quả của sự tiếp nhận, biến cải ở những mức độ khác nhau từ phía người Việt đối với tiếng Hán và văn tự Hán thông qua quá trình tiếp xúc, giao lưu và đối thoại văn hóa” (Phạm Xuân Nam, 2019, tr. 29).

Về tư tưởng, người Việt đã chuyển hóa những yếu tố Hán thành những yếu tố mang đậm giá trị nhân văn và truyền thống. Các giá trị “trung quân”, “ái quốc” của Nho giáo đã chuyển hóa gắn liền hơn với tình yêu quê hương, tính cộng đồng của người Việt. Giá trị của Đạo giáo hòa quyện với tinh thần tôn trọng và biết ơn tổ tiên, cùng những người có công với đất nước. Dưới ảnh hưởng của Đạo giáo, những con người ưu tú có công lao với dân tộc được phong thánh và lập miếu thờ. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, ngay sau khi Mã Viện trở về, nhân dân đã lập đền thờ Trung Nữ Vương ở xã Hát Giang, huyện Phúc Lộc (nay là xã Hát Môn, thành phố Hà Nội). Khi Phùng Hưng - Bồ Cái đại vương qua đời, nhân dân cũng đã tôn ông làm thần và lập đền thờ ở phía tây phủ thành Tống Bình của chính quyền đô hộ.

Giáo lý Phật giáo đã hòa quyện vào đời sống tâm hồn người Việt, thể hiện qua câu chuyện *Man Nương* trong *Lĩnh Nam chích quái* và những nội dung đối đáp của *Mâu Tử*¹ trong tác phẩm *Lý học luận*. Tại đây, các giá trị từ bi, hỷ xả, vị tha, cứu khổ, cứu nạn được kết hợp với văn hóa bản địa, càng gần gũi hơn với tâm hồn và truyền thống đạo đức của người Việt, hình thành quan niệm phúc đức, nhân ái, như “lá lành đùm lá rách” hay “thương người như thể thương thân”. Phật giáo trong đời sống người Việt không chỉ thể hiện rõ những giá trị ưu việt của nó mà còn tiếp thu có chọn lọc những giá trị của Nho giáo và Đạo giáo. Điều này đã mạnh mẽ thể hiện xu hướng “tam giáo đồng nguyên”, trở thành một đặc trưng nổi bật trong văn hóa Việt Nam.

4. Bài học kinh nghiệm rút ra đối với việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các chủ thể về sự cần thiết phải bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

Di sản của cuộc đấu tranh chống đồng hóa văn hóa thời Bắc thuộc có giá trị

¹ Mâu Tử người Hán, sinh vào khoảng năm 170 ở Thương Ngô (nay là Quảng Tây, Trung Quốc); năm 189 theo mẹ chạy sang Giao Châu lánh nạn; học Phật giáo ở Dâu khoảng trước năm 195 và viết tác phẩm *Lý học luận* khoảng sau năm 195.

lịch sử to lớn trong việc bồi đắp nhận thức về văn hóa quốc gia. Nó khắc sâu trong tâm trí các cấp quản lý, các lĩnh vực hoạt động và toàn thể cộng đồng về vị trí trung tâm của văn hóa trong đời sống xã hội, sức mạnh cố kết của văn hóa dân tộc và nhiệm vụ thiêng liêng là bảo vệ bản sắc văn hóa trước sự xâm nhập và hòa tan. Bởi vì: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn” (Nguyễn Phú Trọng, 2024, tr. 29). Qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, những giá trị bền vững và tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã được hình thành, củng cố và phát triển. Những giá trị này bao gồm “lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống” (Ban Chấp hành Trung ương, 1998). Bản sắc văn hóa dân tộc đã trở thành một hệ giá trị quan trọng để khẳng định bản lĩnh, sức mạnh dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

Do đó, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các chủ thể về tầm quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì mới. Các chủ thể cần có thái độ đúng, trách nhiệm cao trong việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, xác lập động lực tinh thần to lớn góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, bảo đảm cho văn hóa phát triển đúng hướng và thấm nhuần tinh thần dân tộc, để văn hóa thực sự trở thành động lực, nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ hai, đề cao cảnh giác, chủ động nhận diện âm mưu, thủ đoạn “xâm lăng văn hóa” của các thế lực thù địch, phản động.

Thời gian qua, các thế lực thù địch đã triệt để lợi dụng quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế để công kích và xuyên tạc đường lối, quan điểm lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn hóa. Chúng triệt để khai thác các tiêu cực trong xã hội để tạo ra mâu thuẫn về nhận thức tư tưởng trong nhân dân, đồng thời đẩy mạnh việc truyền bá các sản phẩm phản văn hóa, khuyến khích lối sống cơ hội, thực dụng và sùng bái vật chất tầm thường, từ đó làm suy giảm các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Mục tiêu cuối cùng của các thế lực thù địch, phản động là làm xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc, dẫn tới tác động tiêu cực đến các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Vì vậy, cần nâng cao cảnh giác trước âm mưu để hòng “xâm lăng văn hóa” của các thế lực thù địch, phản động. Kiên quyết ngăn chặn sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa xấu độc, ngoại lai cùng thông tin độc hại. Để thực hiện điều này, cần nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong công tác lãnh đạo, quản lý và điều hành của cấp ủy,

chính quyền. Đồng thời, phát huy vai trò nêu gương về văn hóa của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là các cán bộ chủ chốt tại địa phương, nhằm đảm bảo các hoạt động văn hóa được phát triển theo đúng định hướng chính trị, mang đậm bản sắc dân tộc phù hợp với thực tiễn hiện nay.

Các cấp, các ngành và địa phương cần chú trọng chỉ đạo và giám sát chặt chẽ trong các hoạt động văn hóa; đồng thời tăng cường giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc. Đề cao ý thức trách nhiệm của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ trong việc đấu tranh chống “xâm lăng văn hóa”. Nâng cao cảnh giác và kiên quyết đấu tranh với những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc và các hành vi đi ngược lại thuần phong mỹ tục, góp phần bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc.

Thứ ba, coi trọng phát huy sức mạnh mềm của văn hóa dân tộc Việt Nam.

Phát huy sức mạnh mềm của văn hóa không chỉ góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế mà còn đóng vai trò then chốt trong thúc đẩy phát triển bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, với nền văn hóa giàu bản sắc, việc khai thác hiệu quả sức mạnh mềm của văn hóa dân tộc là một chiến lược đúng đắn để xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời củng cố vững chắc nền tảng bảo vệ Tổ quốc. Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 145). Để đạt được mục tiêu này, cần xây dựng các nội dung, phương thức phát huy tối đa sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế.

Cần đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và tiếp thu kinh nghiệm quốc tế trong việc bảo vệ văn hóa dân tộc, qua đó hoàn thiện các chính sách và chiến lược phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của đất nước trong bối cảnh mới. Đồng thời, chú trọng phát triển các sản phẩm văn hóa có giá trị, làm nền tảng cho một nền công nghiệp văn hóa lành mạnh, giàu tính nhân văn và đậm đà bản sắc dân tộc. Bên cạnh đó, cần chủ động rà soát, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch phát triển văn hóa sao cho sát thực tiễn và đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay.

Thứ tư, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hóa là tất yếu và cần thiết. Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc không đồng nghĩa với việc “đóng cửa” hay “khép kín”, mà là chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa từ bên ngoài có chọn lọc phù hợp thực tiễn con người

Việt Nam. Hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia trên thế giới không chỉ giúp tăng cường sự hiểu biết về các giá trị văn hóa đa dạng mà còn mang lại những kinh nghiệm quý báu trong phát triển văn hóa. Thông qua đó, để tiếp nhận và chuyển hóa các giá trị văn hóa nhân loại phù hợp với đặc điểm và truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Thường xuyên quán triệt và hiện thực hóa quan điểm: “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đồng thời chủ động nâng cao sức đề kháng của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên đối với các văn hóa phẩm ngoại lai độc hại; từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr. 147). Đây là định hướng quan trọng để vừa hòa nhập cùng xu thế phát triển văn hóa toàn cầu trong việc làm giàu và bảo tồn bản sắc, vừa phù hợp với tiến trình đổi mới uyển chuyển và tinh tế của văn hóa Việt Nam. Việc mở rộng giao lưu quốc tế không chỉ làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam mà còn góp phần khẳng định vị thế của văn hóa dân tộc trên trường quốc tế, tạo động lực cho sự phát triển bền vững trong thời kì mới.

5. Kết luận

Quá trình đấu tranh chống đồng hóa văn hóa và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc suốt hơn 1000 năm Bắc thuộc, thể hiện sức mạnh tự cường và ý chí kiên cường của nhân dân trước âm mưu đồng hóa toàn diện của các triều đại phong kiến phương Bắc. Dù chính quyền đô hộ đã áp dụng nhiều biện pháp đồng hóa về văn hóa, tư tưởng và lối sống, người Việt vẫn giữ vững được các giá trị văn hóa bản địa thông qua các cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất, không ngừng nghỉ của các thế hệ người Việt. Những phong tục, tập quán, ngôn ngữ và tư tưởng truyền thống không chỉ được bảo vệ mà còn phát triển và thích ứng linh hoạt với bối cảnh xã hội. Đồng thời, người Việt cũng tiếp thu chọn lọc những yếu tố tiến bộ từ các nền văn hóa ngoại nhập, qua đó tạo nên sự đa dạng và phong phú cho bản sắc văn hóa Việt Nam.

Tinh thần kiên cường trong việc bảo vệ văn hóa thời kì Bắc thuộc đã trở thành bài học sâu sắc, có ý nghĩa thực tiễn trong công cuộc giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam hiện nay. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa không chỉ là nhiệm vụ cấp thiết mà còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Điều này đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng trong công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, đồng thời phát huy vai trò chủ động của các lực lượng trong nhận diện, đấu tranh với các hình thức “xâm lăng văn hóa” tinh vi. Cùng với đó, cần không ngừng bồi đắp và lan tỏa những giá trị văn hóa truyền thống, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. 1998. *Nghị quyết số 03/NQ-TW* về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, ngày 16/7/1998.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. 2013. *Nghị quyết số 28/NQ-TW* về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”, ngày 25/10/2013.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. 2014. *Nghị quyết số 33/NQ-TW* về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”, ngày 09/6/2014.
4. Doãn Chính. 2015. *Lịch sử Triết học phương Đông*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập I, II). Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội.
6. *Đại Việt sử ký toàn thư*. 2022. Nxb. Văn học. Hà Nội.
7. Huỳnh Công Bá. 2017. *Lịch sử Việt Nam cổ trung đại*. Nxb. Thuận Hóa. Huế.
8. Nguyễn Phú Trọng. 2024. *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
9. Nguyễn Tài Cẩn. 2000. *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán - Việt*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
10. Phạm Minh Huyền. 1996. *Văn hóa Đông Sơn - tính thống nhất và đa dạng*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
11. Phạm Xuân Nam. 2019. *Sự đa dạng văn hóa và đối thoại giữa các nền văn hóa - Một góc nhìn từ Việt Nam (tập 2)*. Nxb. Quân đội nhân dân. Hà Nội.
12. Vũ Duy Mến (chủ biên). 2017. *Lịch sử Việt Nam* (tập 1). Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
13. Vũ Quỳnh - Kiều Phú. 1990. *Lĩnh nam chích quái*. Nxb. Văn học. Hà Nội.